

THÔNG TƯ

Quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải

Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 35/2011/TT-BGTVT ngày 06/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023;

2. Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2025;

3. Thông tư số 24/2026/TT-BXD ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22/04/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định như sau:¹

¹ Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng²

1. Thông tư này quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật liên quan đến kiểm tra, kiểm định, nhập khẩu, thiết kế, sản xuất, hoán cải và khai thác sử dụng đối với các thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Thiết bị xếp dỡ được lắp đặt, sử dụng trên phương tiện giao thông vận tải đường bộ, đường sắt; thiết bị xếp dỡ chuyên dùng trong cảng hàng không, cảng thủy, cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thủy, phương tiện đường sắt;

b) Nồi hơi, thiết bị áp lực được lắp đặt, sử dụng trên phương tiện giao thông vận tải đường bộ, đường sắt.

2. Thông tư này không áp dụng cho các thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực (sau đây gọi là thiết bị) khai thác sử dụng trên tàu biển, phương tiện thủy nội địa, công trình trên biển phục vụ thăm dò, khai thác dầu khí, hệ thống đường ống dẫn dầu, khí đốt trên biển, thiết bị phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh, tàu cá.

năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải.”

Thông tư số 59/2025/TT-BXD, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm.”

Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư để phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, đường bộ, đường sắt, quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.”

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

3. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến kiểm tra, kiểm định, nhập khẩu, thiết kế, sản xuất, hoán cải, thử nghiệm và khai thác sử dụng các thiết bị quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ³

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sản phẩm cùng kiểu là các thiết bị có cùng nhãn hiệu, thiết kế, thông số kỹ thuật và được sản xuất trên cùng một dây chuyền công nghệ.
2. Cơ sở sản xuất là tổ chức, cá nhân sản xuất, hoán cải thiết bị.
3. Cơ sở thiết kế là tổ chức, cá nhân hành nghề kinh doanh dịch vụ thiết kế thiết bị theo quy định của pháp luật.
4. Cơ sở thử nghiệm là phòng thử, phòng thí nghiệm hoạt động trong lĩnh vực thử nghiệm vật liệu, thiết bị theo quy định của pháp luật.
5. Tổ chức hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (sau đây gọi tắt là Tổ chức kiểm định) là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội.
6. Cơ quan kiểm tra là Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Chi cục Đăng kiểm

Điều 3. Căn cứ kiểm tra, kiểm định để cấp giấy chứng nhận⁴

Căn cứ để kiểm tra, kiểm định cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị là các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng với từng loại thiết bị theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương II

THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

Điều 4.⁵ (được bãi bỏ)

Điều 5.⁶ (được bãi bỏ)

Chương III

THỦ TỤC KIỂM TRA, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THIẾT BỊ

³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

⁵ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

⁶ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

Mục 1. THỦ TỤC KIỂM TRA, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THIẾT BỊ NHẬP KHẨU

Điều 6.⁷ (được bãi bỏ)

Điều 7.⁸ (được bãi bỏ)

Điều 8.⁹ (được bãi bỏ)

Mục 2. THỦ TỤC KIỂM TRA CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THIẾT BỊ TRONG SẢN XUẤT, HOÁN CẢI

Điều 9.¹⁰ (được bãi bỏ)

Điều 10.¹¹ (được bãi bỏ)

Điều 11.¹² (được bãi bỏ)

Mục 3. THỦ TỤC KIỂM ĐỊNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THIẾT BỊ TRONG KHAI THÁC SỬ DỤNG

Điều 12. Hồ sơ kiểm định¹³

Hồ sơ kiểm định bao gồm:

1. 01 (một) bản chính hoặc bản khai biểu mẫu điện tử Giấy đề nghị kiểm định theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

2. 01 (một) bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp qua cổng dịch vụ công) hoặc 01 (một) bản sao (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị nhập khẩu hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị sản xuất, hoán cải hoặc Giấy chứng nhận kết quả kiểm định của lần kiểm định trước. Đối với những thiết bị đang sử dụng trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà không có các giấy tờ theo quy định tại khoản này thì nộp tài liệu kỹ thuật hoặc hồ sơ kỹ thuật của thiết bị được cơ sở thiết kế lập.

Điều 13. Phương thức, địa điểm kiểm định¹⁴

1. Phương thức kiểm định: Kiểm định từng thiết bị.

2. Địa điểm kiểm định: Tại địa điểm do người nộp hồ sơ kiểm định và Tổ chức kiểm định thống nhất.

⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

⁸ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

⁹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

¹⁰ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

¹¹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

¹² Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

¹³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

¹⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

Điều 14.¹⁵ (được bãi bỏ)

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 15. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1. Thống nhất quản lý, tổ chức triển khai và thực hiện công tác kiểm tra cấp giấy chứng nhận cho thiết bị.
2. Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến công tác kiểm tra cấp giấy chứng nhận cho thiết bị theo thẩm quyền.
3. Thống nhất in, quản lý, phát hành các ấn chỉ, biểu mẫu kiểm tra, giấy chứng nhận thiết bị được quy định tại Thông tư này.
4. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thực hiện công tác kiểm tra cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật các thiết bị.

5.¹⁶ (được bãi bỏ)

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu, thiết kế, sản xuất, hoán cải, thử nghiệm, khai thác sử dụng thiết bị

1. Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan khi nhập khẩu, thiết kế, sản xuất, lắp ráp, hoán cải và khai thác sử dụng các thiết bị.
3. Chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các thiết bị nhập khẩu.
4. Bảo quản, giữ gìn, giấy tờ xác nhận kết quả kiểm tra đã được cấp và xuất trình khi có yêu cầu của người thi hành công vụ có thẩm quyền.
5. Chịu trách nhiệm duy trì tình trạng kỹ thuật của thiết bị đang khai thác sử dụng giữa 2 kỳ kiểm tra theo giấy chứng nhận đã cấp để đảm bảo tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật.
- 6¹⁷. Thanh toán giá dịch vụ, nộp lệ phí theo quy định cho cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

Điều 17. Hiệu lực thi hành¹⁸

¹⁵ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

¹⁶ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

¹⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

¹⁸ Điều 3 Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.
2. Các giấy chứng nhận đã cấp cho các thiết bị trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục được sử dụng theo thời hạn quy định tại các giấy chứng nhận đó.

3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./”

Điều 27 Thông tư số 59/2025/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 27. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2025.”

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.
2. Ban hành kèm theo Thông tư này 10 Phụ lục.
3. Các giấy chứng nhận cấp cho các thiết bị trước ngày có hiệu lực của Thông tư này vẫn còn giá trị sử dụng theo thời hạn quy định tại các giấy chứng nhận đó.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Điều 24 và Điều 25 Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Các quy định tại Chương VII và Chương VIII của Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 25. Bãi bỏ một số điều, khoản tại các thông tư trong lĩnh vực giao thông vận tải

1. Bãi bỏ Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 16 của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022, Thông tư số 17/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2023, Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025).
2. Bãi bỏ Điều 5, Điều 6 của Thông tư số 33/2011/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022, Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025).
3. Bãi bỏ Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 14 của Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật, thiết bị xếp dỡ, nồi hơi, thiết bị áp lực sử dụng trong giao thông vận tải (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2023, Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025).
4. Bãi bỏ một số điều, khoản của Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022, Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2023, Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025).
 - a) Bãi bỏ Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12;
 - b) Bãi bỏ khoản 1 Điều 14.
5. Bãi bỏ khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2020/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn phương pháp xây dựng phương án giá, quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương khi thực hiện phương thức đặt hàng (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023).
6. Thay thế các Phụ lục số XIV, XVI ban hành kèm theo Thông tư số 33/2025/TT-BXD ngày 14 tháng 11 năm 2025 bằng các Phụ lục số I, II ban hành kèm theo Thông tư này.”

Phụ lục I¹⁹

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06 tháng 05 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CĂN CỨ KIỂM TRA, KIỂM ĐỊNH

TT	TÊN THIẾT BỊ	TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN
1	Thiết bị xếp dỡ	QCVN 22:2018/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chế tạo và kiểm tra phương tiện, thiết bị xếp dỡ.
2	Nồi hơi, thiết bị áp lực	QCVN 67:2018/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chế tạo, kiểm tra chứng nhận thiết bị áp lực trong giao thông vận tải

¹⁹ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

Phụ lục II²⁰ (được bãi bỏ)

Phụ lục III²¹ (được bãi bỏ)

Phụ lục IV²² (được bãi bỏ)

Phụ lục V²³ (được bãi bỏ)

Phụ lục VI²⁴ (được bãi bỏ)

Phụ lục VII²⁵ (được bãi bỏ)

Phụ lục VIII²⁶ (được bãi bỏ)

Phụ lục IX²⁷ (được bãi bỏ)

²⁰ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

²¹ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

²² Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

²³ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

²⁴ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

²⁵ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

²⁶ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

²⁷ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 của Thông tư số 24/2026/TT-BXD, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

Phụ lục X²⁸

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2011/TT-BGTVT ngày 06 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA, KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA, KIỂM ĐỊNH (*)

Kính gửi:

Tổ chức/Cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đề nghị kiểm tra/kiểm định thiết bị (*):

.....

.....

.....

Hồ sơ gửi kèm:

Thời gian và địa điểm kiểm tra/kiểm định dự kiến (*):

....., ngày tháng năm

TỔ CHỨC / CÁ NHÂN

() Gạch bỏ nếu không phù hợp.*

²⁸ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 21/2023/TT-BGTVT, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

BỘ XÂY DỰNG**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT***Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026***KT. BỘ TRƯỞNG****THỦ TRƯỞNG****Nguyễn Xuân Sang****Nơi nhận:** *Am*

- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Lưu: VT, ĐKVN.